

BÁO CÁO  
Thu - Chi ngân sách tuần thứ 41 năm 2022  
(Từ ngày 08/10/2022 đến ngày 14/10/2022)

I. Số liệu thu - chi ngân sách:

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Nội dung                                                                                    | Dự toán năm 2022   |                                         |                                      | Thực hiện<br>Tuần thứ 41 | Lũy kế từ<br>đầu năm<br>đến nay | So sánh (%)    |                           |              |               |
|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------|---------------------------------|----------------|---------------------------|--------------|---------------|
|                                                                                             | Trung ương<br>giao | DT điều<br>chỉnh QĐ<br>1615/QĐ-<br>UBND | DT phần<br>dầu QĐ<br>189/QĐ-<br>UBND |                          |                                 | THLK/<br>DT TW | THLK/<br>DT điều<br>chỉnh | THLK/<br>PĐT | THLK/<br>CKLK |
| 1                                                                                           | 2                  | 3                                       | 4                                    | 5                        | 6                               | 7              | 8                         | 9            | 10            |
| I. Tổng thu NSNN trên địa bàn                                                               | 7.430.000          | 10.000.000                              | 11.000.000                           | 174.934                  | 7.103.399                       | 95,6           | 71,0                      | 64,6         | 115,2         |
| 1. Thu nội địa                                                                              | 5.890.000          | 8.200.000                               | 9.000.000                            | 138.598                  | 5.827.730                       | 98,9           | 71,1                      | 64,8         | 117,3         |
| 1.1. Thu từ thuế, phí và thu khác: Trong đó                                                 | 4.690.000          | 5.700.000                               | 6.500.000                            | 82.184                   | 4.203.464                       | 89,6           | 73,7                      | 64,7         | 111,3         |
| - Thu từ các doanh nghiệp nhà nước                                                          | 984.000            | 1.050.000                               | 1.260.000                            | 4.277                    | 1.403.189                       | 142,6          | 133,6                     | 111,4        | 162,7         |
| - Thu từ khu vực kinh tế NQD                                                                | 1.637.000          | 1.952.000                               | 2.278.000                            | 18.131                   | 1.277.858                       | 78,1           | 65,5                      | 56,1         | 92,8          |
| - Thu phí, lệ phí                                                                           | 450.000            | 510.000                                 | 560.000                              | 1.401                    | 239.808                         | 53,3           | 47,0                      | 42,8         | 84,5          |
| - Thu xổ số kiến thiết                                                                      | 28.000             | 30.000                                  | 33.000                               | -                        | 21.750                          | 77,7           | 72,5                      | 65,9         | 95,1          |
| - Thu tiền thuê đất                                                                         | 210.000            | 227.000                                 | 270.000                              | 10.074                   | 57.758                          | 27,5           | 25,4                      | 21,4         | 42,4          |
| - Thu cấp quyền khai thác khoáng sản và các khoản thu khác                                  | 1.381.000          | 1.611.000                               | 1.779.000                            | 26.880                   | 1.075.079                       | 77,8           | 66,7                      | 60,4         | 109,4         |
| - Các khoản huy động đóng góp, Gồm:                                                         |                    | 320.000                                 | 320.000                              | 21.421                   | 128.022                         |                | 40,0                      | 40,0         | 114,8         |
| + Thu đóng góp từ khai thác khoáng sản để đầu tư hạ tầng giao thông và khắc phục môi trường |                    | 320.000                                 | 320.000                              | 21.421                   | 125.521                         |                | 39,2                      | 39,2         | 130,4         |
| + Các khoản huy động đóng góp khác                                                          |                    |                                         |                                      |                          | 2.501                           |                |                           |              | 200,0         |
| 1.2. Thu tiền sử dụng đất:                                                                  | 1.200.000          | 2.500.000                               | 2.500.000                            | 56.414                   | 1.624.266                       | 135,4          | 65,0                      | 65,0         | 136,3         |
| 3. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu                                                          | 1.540.000          | 1.800.000                               | 2.000.000                            | 36.336                   | 1.275.669                       | 82,8           | 70,9                      | 63,8         | 106,6         |
| II. Thu ngân sách địa phương                                                                | 12.370.215         | 20.098.027                              |                                      | 135.114                  | 16.555.290                      | 133,8          | 82,4                      |              | 118,2         |
| 1. Thu ngân sách địa phương hưởng theo phân cấp                                             | 5.437.700          | 7.732.485                               |                                      | 135.114                  | 5.529.606                       | 101,7          | 71,5                      |              | 117,9         |
| 1.1. Thu từ thuế phí và thu khác                                                            | 4.237.700          | 5.232.485                               |                                      | 78.700                   | 3.905.340                       | 92,2           | 74,6                      |              | 111,7         |
| - Các khoản huy động đóng góp, Gồm:                                                         |                    | 320.000                                 |                                      | 21.421                   | 128.022                         |                | 40,0                      |              | 114,8         |
| + Thu đóng góp từ khai thác khoáng sản để đầu tư hạ tầng giao thông và khắc phục môi trường |                    | 320.000                                 |                                      | 21.421                   | 125.521                         |                | 39,2                      |              | 130,4         |
| + Các khoản huy động đóng góp khác                                                          |                    |                                         |                                      |                          | 2.501                           |                |                           |              | 200,0         |
| 1.2. Thu tiền sử dụng đất                                                                   | 1.200.000          | 2.500.000                               |                                      | 56.414                   | 1.624.266                       | 135,4          | 65,0                      |              | 136,3         |
| 2. Thu bổ sung từ ngân sách trung ương                                                      | 6.932.515          | 8.095.181                               |                                      |                          | 6.755.324                       | 97,4           | 83,4                      |              | 110,8         |
| - Thu bổ sung cân đối ngân sách                                                             | 5.266.508          | 5.266.508                               |                                      |                          | 4.450.000                       | 84,5           | 84,5                      |              | 102,4         |
| - Thu bổ sung có mục tiêu                                                                   | 1.666.007          | 2.828.673                               |                                      |                          | 2.305.324                       | 138,4          | 81,5                      |              | 131,6         |
| 3. Thu chuyển nguồn                                                                         |                    | 4.270.361                               |                                      |                          | 4.270.360                       |                |                           |              | 132,7         |
| III. Chi ngân sách địa phương                                                               | 11.745.058         | 20.283.877                              |                                      | 259.668                  | 10.259.774                      | 87,4           | 50,6                      |              | 109,3         |

II. Một số hoạt động của Lãnh đạo Sở Tài chính trong tuần:  
- Thực hiện các công việc thường xuyên khác.

Nơi nhận:

- VP: Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- TT UBND tỉnh;
- Đảng ủy Khối cơ quan - DN tỉnh Lào cai;
- Sở Kế hoạch & Đầu tư;
- Cục Thống kê;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VP, QLNS(Hoàn).

GIÁM ĐỐC

Ngô Đức Ảnh